

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ và các Quy chế của công ty

Kính thưa: Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú, kính trình Đại hội đồng cổ đông, thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Điều lệ

TT	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>a, “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>b) “<i>Luật Chứng khoán</i>” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>s) “<i>Cổ tức</i>” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>a, “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; <i>Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025; Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.</i></p> <p>b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; <i>Sửa đổi bởi Luật số</i></p>	<p>Bổ sung các luật sửa đổi <i>Luật số 76/2025/QH15</i> <i>Luật số 03/2022/QH15</i> <i>Luật số 56/2024/QH15</i></p>



		<p>56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;</p> <p>s) “<i>Cổ tức</i>” <i>Cổ tức</i> là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.”</p>	
2	<p>Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính</p> <p>Khoản 3. Trụ sở chính: Phố Kiến Thiết, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p>	<p>Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính</p> <p>Khoản 3. Trụ sở chính: Phố Kiến Thiết, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.</p>	
3	<p>Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>Khoản 3: Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú có một (01) người đại diện pháp luật.</p> <p>+ Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>+ Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 Điều này.</p>	<p>Khoản 3: Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú có một (01) người đại diện pháp luật.</p> <p>+ Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>+ <i>Trường hợp Công ty khuyết chức danh Giám đốc và đang trong thời gian kiện toàn, Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định giao một (01) Phó Giám đốc Công ty phụ trách Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty để làm người đại diện theo pháp luật của Công ty, thời gian giao quyền không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định giao quyền có hiệu lực và không tính vào thời gian giữ chức vụ nếu được bổ nhiệm.</i></p> <p>+ <i>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.</i></p>	
4	<p>Điều 16. Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 3, điểm a) Yêu cầu</p>	<p>Điều 16. Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 3, điểm a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp</p>	<p>Sửa đổi theo Luật 76,</p>

	<p>Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; <i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.”.</i></p>	<p>bổ sung khoản 4 điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>
5	<p>Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 2, mục a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp</p>	<p>Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 2, mục a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông, số đăng ký người sở hữu</i></p>	<p>Sửa đổi theo Luật 76, bổ sung khoản 1 điều 141 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	
6	<p>Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>Khoản 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 1, Điểm d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>Khoản 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.</p>	<p>Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>Khoản 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; <i>tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định:</i></p> <p>Khoản 1, Điểm d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <i>trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</i></p> <p>Khoản 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; <i>tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.</i></p>	<p><i>Bổ sung theo Luật số 03/2022 /QH15</i></p>
7	<p>Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ</p>	<p>Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	

	<p>đồng bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</p>	<p>để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2025 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</p>	
8	<p>Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với</i></p>	<p>Bổ sung các luật sửa đổi <i>Luật số 76/2025 /QH15</i> <i>Luật số 03/2022 /QH15</i> <i>Luật số 56/2024 /QH15</i></p>

10
 NG
 PH
 JNC
 IH
 PH

		<i>doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</i>	
9	Điều 38. Giám đốc Công ty Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;	Điều 38. Giám đốc Công ty Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung các luật sửa đổi Luật số 76/2025/QH15 Luật số 03/2022/QH15 Luật số 56/2024/QH15
10	Điều 44. Ban Kiểm soát Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;	Điều 44. Ban Kiểm soát Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung các luật sửa đổi Luật số 76/2025/QH15
11	Điều 50. Công khai thông tin Công ty Khoản 3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ	Điều 50. Công khai thông tin Công ty “Khoản 3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.”.	Sửa đổi theo Luật 76, bổ sung khoản 3 điều 176 Luật Doanh nghiệp

	chiều, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.		
12	Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên 4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.	Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý Bỏ khoản 4. Vì công ty đã hủy công ty đại chúng	
13	Điều 61. Tạm dừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh Khoản 2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	Điều 61. Tạm dừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh Khoản 2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	
14	Sửa đổi Khoản 1, Điều 4: Bổ sung thêm 02 ngành nghề kinh doanh	Khoản 1, Điều 4: Bổ sung thêm 02 ngành nghề kinh doanh: - Cung ứng lao động tạm thời: Mã ngành 7821 - Cung ứng nguồn nhân lực khác: Mã ngành 7822	Đáp ứng với kế hoạch SXKD của Cty

2. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

1	Tại các Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 6, Điều 12, Điều 14, Điều 20, có ghi Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc)	Đề nghị bỏ các ghi chú (Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc)	Sửa theo Điều lệ công ty
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ - Mục 1 khoản b) Luật	Điều 2. Giải thích từ ngữ - Mục 1 khoản b) Luật Chứng	Bổ sung Luật số

	Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; <i>Sửa đổi bởi Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;</i>	56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025
3	Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Khoản 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác trong Công ty. Thông qua tất cả các hợp đồng kinh tế trước khi giao Giám đốc thực hiện.	Điều 12. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Khoản 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.	Sửa theo Điều lệ công ty
4	Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</i>	Bổ sung theo Luật 03

3. Sửa đổi qui chế Quản trị nội bộ

TT	Qui chế cũ	Sửa đổi	Lý do
----	------------	---------	-------

	<p>báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	<p>cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.</p> <p>4. Việc công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ này.</p>	
3	<p>Điều 28. Báo cáo Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 29. Giám sát Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 28. Báo cáo Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Điều lệ công ty và các qui định của pháp luật.</p> <p>Điều 29. Giám sát Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Hiện công ty đã hủy công ty đại chúng, nên không phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước.</p>

4. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Căn cứ, Điều, khoản	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông quan ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số	

Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
---	---

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét !

Nơi nhận:

- Đại hội ĐCD;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Long

